

Bản án số: 132/2022/HS-PT

Ngày: 27-9-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Quê

*Các Thẩm phán:* Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Hồ Minh Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Văn Mil, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Mộng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2022/TLPT-HS ngày 31 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Mỹ H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Bị cáo kháng cáo:**

Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1970 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp S, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau; nghề Nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lê Thị Gi; có chồng tên Nguyễn Văn Th5 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/02/2022 được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Thị Hoa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Luật sư có mặt.

**- Bị hại không có kháng cáo, gồm có:**

1. Bà Huỳnh Hồng X, sinh năm 1987 (vắng mặt)
2. Ông Phan Xuân H1, sinh năm 1962 (vắng mặt)
3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt)
4. Bà Lâm Thị Kiều M, sinh năm 1992 (vắng mặt)
5. Bà Lê Thị C, sinh năm 1979 (có mặt)
6. Bà Nguyễn Mộng Ngh, sinh năm 2000 (có mặt)
7. Bà Nguyễn L2 Th, sinh năm 1966 (vắng mặt)
8. Ông Phan Văn L1, sinh năm 1974 (vắng mặt)
9. Bà Lê Thanh Th1, sinh năm 1987 (vắng mặt)
10. Bà Dương Thị Ch, sinh năm 1976 (có mặt)
11. Bà Lâm Thị H2, sinh năm 1984 (vắng mặt)
12. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 (có mặt)
13. Bà Trương Thị N1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

14. Bà Nguyễn Tuyết Tr, sinh năm 1960 (có mặt)
15. Ông Huỳnh Quốc S, sinh năm 1991 (vắng mặt)
16. Ông Phan Thành T, sinh năm 1983 (có mặt)
17. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1975 (vắng mặt)
18. Bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
19. Bà Huỳnh Thị Mộng Th2, sinh năm 1986 (vắng mặt)
20. Bà Trần Huyền D, sinh năm 1963 (vắng mặt)
21. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1977 (vắng mặt)
22. Bà Phan Thị U L2, sinh năm 1981 (vắng mặt)
23. Bà Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt)
24. Bà Nguyễn Tuyết Ngh2, sinh năm 1994 (vắng mặt)
25. Bà Nguyễn Thanh Th3, sinh năm 1977 (vắng mặt)
26. Bà Hà Thị H3, sinh năm 1975 (vắng mặt)
27. Bà Nguyễn Tuyết A, sinh năm 1992 (có mặt)  
Cùng địa chỉ: Ấp S, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.
28. Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1979 (vắng mặt)
29. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)
30. Bà Huỳnh Hồng Đ1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
31. Ông Lê Thanh M2, sinh năm 1981 (vắng mặt)
32. Bà Trình Bích V, sinh năm 1991 (vắng mặt)
33. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1970 (vắng mặt)
34. Ông Lê Văn B, sinh năm 1963 (vắng mặt)
35. Bà Tô Kim Ph1, sinh năm 1960 (có mặt)
36. Bà Cao Kim Â, sinh năm 1985 (vắng mặt)
37. Bà Lý Thị Ng, sinh năm 1983 (vắng mặt)
38. Bà Trần Thị B1 sinh năm 1990 (vắng mặt)
39. Bà Nguyễn Hoa L3, sinh năm 1983 (vắng mặt)
40. Bà Nguyễn Kiều O, sinh năm 1975 (vắng mặt)
41. Bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1975 (vắng mặt)
42. Bà Lâm Thị A1, sinh năm 1968 (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Ấp S, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.
43. Ông Đặng Thanh T1, sinh năm 1979 (có mặt)
44. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1986 (vắng mặt)
45. Bà Huỳnh Huỳnh T2, sinh năm 1985 (có mặt)
46. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1988 (vắng mặt)
47. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1981 (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.
48. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1955 (có mặt)
49. Bà Nguyễn Kiều D2, sinh năm 1990 (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

50. Ông Diệp Thái H3, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

51. Bà Đặng Hồng Th4, sinh năm 1970 (có mặt)

52. Ông Dương Văn Kh, sinh năm 1970 (vắng mặt)

53. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968 (vắng mặt)

54. Bà Lê Thị N3, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

55. Ông Lê Quốc H4, sinh năm 1976 (vắng mặt)

56. Bà Trần Bé H5, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau

57. Ông Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 6A, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

58. Ông Lê Chí T3, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 18, xã B, huyện Th, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (không được Tòa án triệu*

*tập):*

1. Bà Nguyễn Tú A3, sinh năm 1987

2. Ông Nguyễn Văn Th5, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong H3 sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2000, Nguyễn Mỹ H bắt đầu tổ chức làm chủ hội để hưởng tiền hoa H3ng trên mỗi kỳ khai hội và đã kết thúc nhiều dây hội. Từ năm 2018 và năm 2019, H cần tiền để trả nợ tiền vay, mượn, tiền để choàng hội và chi xài cá nhân N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách mở và làm chủ các dây hội tháng, vận động người thân quen biết để tham gia từng dây hội có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/chân, rồi thực hiện hành vi gian dối đưa tên không vào danh sách 4/8 dây hội để bỏ thăm hốt hội chiếm đoạt tiền của hội viên. Khi chiếm đoạt được tiền của hội viên, H dùng nguồn tiền này vào việc trả nợ, trả lãi tiền vay và chi xài cá nhân.

Đến tháng 11/2020 âm lịch (âl), H tuyên bố đình hội, thời điểm này H còn làm chủ 08 dây hội chưa mãn. Hội viên phát hiện H có hành vi gian dối trong việc đưa tên hội viên không vào danh sách hội viên nên gửi đơn tố giác đến Cơ quan Công an.

Trong quá trình làm chủ hội, H đưa tên không vào các danh sách hội viên để hốt hội chiếm đoạt tiền của hội viên với tổng số tiền 480.060.000 đồng, cụ thể:

Dây thứ 1: Mở ngày 04/9/2018 (27/5/2018 âl), loại hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, hội có 51 chân, có 40 hội viên tham gia, đã khai và gom tiền hội được 29 kỳ thì đình hội (còn 22 kỳ chưa khai), hốt thật 27 kỳ, còn lại 02 kỳ hội không. Trong dây hội này H tham gia 01 chân (đã hốt kỳ thứ 3). H đưa tên không 02

chân: Tên 10 Thêm, nợ chín Đầy (9 Đầy), H đã hót tại kỳ 02 và kỳ thứ 08, chiếm đoạt số tiền 173.250.000 đồng, cụ thể như sau:

- Kỳ 02: Ngày 04/10/2018 (25/8/2018 âm), H hót chân hội đưa tên 10 Thêm, số tiền bỏ thăm 1.060.000 đồng, số tiền thực đóng 1.940.000 đồng, chiếm đoạt 94.180.000 đồng.

- Kỳ 08: Ngày 30/3/2019 (25/02/2019 âm), hót chân hội đưa không tên nợ 9 Đầy, số tiền bỏ thăm 1.510.000 đồng, số tiền thực đóng 1.490.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 79.070.000 đồng.

Còn 18 hội viên tham gia 22 chân đã đóng 29 kỳ nhưng chưa được hót hội, mỗi chân đã đóng số tiền 39.640.000 gồm: Huỳnh H3ng X, Phan Xuân H1, Lê Thị L, Nguyễn Thị R, Nguyễn Kiều D2, Huỳnh Huỳnh T2, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị D1, Đặng Hồng Th4, Nguyễn Thị Ch1, Huỳnh Thị Mộng Th2, Huỳnh Thị M1, Hà Thị H3, Lâm Thị Kiều M, Nguyễn Thanh Th3 mỗi người 01 chân, Nguyễn Văn N2 (02 chân), Đặng Thanh T1 (02 chân) và Nguyễn Thị Nh (3 chân).

Dây thứ 2: Mở ngày 06/12/2018 (30/10/2018 âm), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 36 chân, có 33 hội viên tham gia, đã khai và gom tiền hội 26 kỳ thì Đ hội (còn 10 kỳ chưa khai), hót thật 25 kỳ, hót 01 kỳ hội không, H tham gia 01 chân (đã hót kỳ thứ 3), H đưa không tên 01 chân (tên 6 Hùng A3) và đã hót tại kỳ thứ 2 (ngày 05/01/2019) nhằm ngày 30/11/2018 âm, số tiền bỏ thăm 1.920.000 đồng, số tiền thực đóng 3.080.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 106.640.000 đồng. Còn 09 hội viên tham gia 10 chân, đã đóng hội 26 kỳ nhưng chưa được hót hội, mỗi chân đã đóng số tiền 66.150.000 đồng, cụ thể: Lê Thị C, Trần B H5, Đặng Thị Đ, Nguyễn Văn N2, Huỳnh Huỳnh T2, Huỳnh Thị M1, Dương Văn Kh, Diệp Thái H3 mỗi người tham gia 01 chân. Đặng Hồng Th4 (02 chân).

Dây thứ 3: Mở ngày 01/12/2019 (ngày 06/11/2019 âm), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 45 chân, có 36 hội viên tham gia, đã khai và gom tiền 13 kỳ thì Đ hội (còn 32 kỳ chưa khai), hót thật 12 kỳ, hót không 01 kỳ, H tham gia 02 chân (đã hót kỳ 01 và kỳ 07), H đưa tên không 01 chân (nợ 9 Đầy) và đã hót tại kỳ khai hội thứ 3 ngày 30/01/2020 (ngày 06/01/2020 âm), số tiền bỏ thăm 2.310.000 đồng, số tiền thực đóng 2.690.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 115.290.000 đồng.

Còn lại 28 hội viên tham gia 32 chân, đã đóng được 13 kỳ nhưng chưa được hót hội, mỗi chân 30.670.000 đồng, cụ thể: Huỳnh H3ng Đ1, Phan Thành T, Trần B H5, Nguyễn Mộng Ngh, Phan Văn L1, Dương Thị Ch, Lâm Thị H2, Nguyễn Văn N, Lê Quốc H4, Trần Thị B, Lê Thanh M2, Nguyễn Thị Quyết, Trình Bích V, Đặng Hồng Th4, Lý Thị Ng, Nguyễn Văn U, Phan Thị U L2, Nguyễn Đ Đ, Nguyễn Tuyết Ngh, Trương Thị N1, Nguyễn Thanh Th3, Nguyễn Hoa L3, Nguyễn Văn Tr1 mỗi người tham gia 01 chân. Nguyễn Lệ Th, Lê Thanh Th1, Nguyễn Thị Nh và Lê Chí T3 mỗi người tham gia 02 chân.

Còn 01 hội viên Lâm Văn Nữa (01 chân) không có mặt ở địa phương, chưa làm việc được.

Dây thứ 4: Mở ngày 18/3/2020 (ngày 25/02/2020 âm), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 38 chân, 31 hội viên tham gia, đã khai và gom hội 11 kỳ thì Đ hội (còn 27 kỳ chưa khai), hót thật 10 kỳ, H hót không 01 kỳ, H tham gia 02 chân (tên hội Kiều

Mộng, 7 H4), hót ở kỳ thứ 01 và thứ 03; H đưa tên không 02 chân (tên hội 10 Thêm, 6 Hùng A3), đã hót 01 chân không (10 Thêm) tại kỳ khai hội thứ 5, ngày 15/7/2020 (ngày 25/5/2020 âm), số tiền bỏ thăm 2.660.000 đồng, số tiền thực đóng 2.340.000 đồng. H hót chân hội này chiếm đoạt số tiền 84.880.000 đồng. Còn 26 chân hội thật và 01 chân hội không 6 Hùng A3 chưa hót.

Còn lại 22 hội viên tham gia 26 chân, đã đóng 11 kỳ nhưng chưa được hót hội, mỗi chân có hội viên đã đóng được 22.500.000, cụ thể: Lê Văn B, Nguyễn Thị R, Tô Kim Ph1, Cao Kim A. Có hội viên đã đóng được 23.900.000 đồng gồm: Lê Thị C, Huỳnh H3ng Đ1, Huỳnh Quốc S, Huỳnh Thị M1, Hà Thị H3, Trần Huyền D, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Tuyết A, Lê Thị N3 mỗi người tham gia 01 chân. Nguyễn Kiều O đã đóng 02 chân số tiền 45.000.0000 đồng. Có 3 hội viên đã đóng 02 chân số tiền 47.000.000 đồng gồm: Nguyễn L2 Th, Nguyễn Tuyết Tr, Vũ Thị Ch. Có 02 hội viên tham gia 02 chân đã hót 01 chân đã thỏa TH4 không yêu cầu gồm: Nguyễn Thị Nh và Lâm Thị A1

Còn 03 hội viên gồm: Lâm Văn Nửa (Nửa), Nguyễn Văn H4 (H4), Đặng Minh PH1, mỗi người chơi 01 chân hội sống, không có mặt ở địa phương, chưa làm việc được.

Các dây hội còn lại: Dây thứ 5 mở ngày 20/3/2019 (ngày 15/02/2019 âm), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 38 chân, có 33 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 22 kỳ thì Đ hội. Dây thứ 6 mở ngày 08/5/2020 (ngày 16/4/2020 âm, có nhuận hai tháng 4), loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 31 chân, có 27 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 8 kỳ thì Đ hội, H không tham gia. Dây thứ 7 mở ngày 25/02/2018 (ngày 10/01/2018 âm, loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 41 chân, có 32 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 37 kỳ thì Đ hội, H không tham gia. Dây thứ 8 mở ngày 20/8/2019 (ngày 10/7/2019 âm), loại hội 2.000.000 đồng/tháng, có 44 chân, có 31 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 19 kỳ thì Đ hội, H không tham gia. H không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của hội viên tham gia trong dây hội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 07 (bảy) năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/7/2022, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần hình phạt đối với bị cáo, căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm hình phạt cho bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Luật sư trình bày: Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung.

- Các bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật. Riêng bị hại Nguyệt Tuyết Tr xin giảm nhẹ hình phạt

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận: Khoảng năm 2000, Nguyễn Mỹ H bắt đầu tổ chức làm chủ hội để hưởng tiền hoa hồng. Trong thời gian làm chủ hội từ ngày 04/9/2018 (27/5/2018 âm) đến ngày 18/3/2020 (ngày 25/02/2020 âm), H đã mở 04 dây hội tháng, gồm: 01 dây hội 03 triệu đồng và 03 dây hội 05 triệu đồng, hốt không 05 chân hội chiếm đoạt của các hội viên 480.060.000 đồng. Với những tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã xét xử bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Chỉ vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền để đóng hội chết, trả nợ và tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các hội viên, lợi dụng việc các hội viên không trực tiếp tham gia bỏ thăm khui hội, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối tự ý hốt hội để chiếm đoạt tiền của hội viên, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của các hội viên được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt theo pháp luật hình sự.

[3] Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên và xác định các giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Đã bồi thường được một phần thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có ông ngoại tên Lê Phú Q được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; Bản thân bị cáo có nhiều chứng bệnh như thiếu máu cơ tim, loét dạ dày, hạ canxi, cơn đau thắt ngực, huyết áp cao; Một số bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả tiền, bồi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có những bị hại xin rút lại yêu cầu khởi tố. Từ đó, xử phạt bị cáo 07 năm tù là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp được xác nhận thể hiện việc bị cáo đã có khắc phục được thêm phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại, cụ thể, bà Lâm Thị Kiều M nhận 30.700.000 đồng vào ngày 03/8/2022 (Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Tr xác nhận chữ ký của bà M ngày 26/9/2022), ông Lê Quốc H4 nhận 30.700.000 đồng vào ngày 02/8/2022 (Ủy ban nhân dân xã Kh xác nhận chữ ký của ông H4 ngày 20/9/2022) và bà Nguyễn Lệ Th nhận 55 triệu đồng vào ngày 25/7/2022 (Ủy ban nhân dân xã Kh xác nhận chữ ký của bà Th ngày 20/9/2022). Ngoài ra, vào ngày 22/9/2022, phía bị cáo có nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được 15 triệu đồng. Bị hại gồm có

Nguyễn Văn Tr1, Lê Quốc H4, Lâm Thị A1, Lâm Thị Kiều M, Dương Văn Kh có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Tuyết Tr xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do ở cấp phúc thẩm, phía bị cáo đã có khắc phục cho bị hại được số tiền nhiều hơn ở cấp sơ thẩm, nên cần căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ thêm mức hình phạt tù cho bị cáo là phù hợp.

[4] Ngoài xác nhận của các bị hại Lê Quốc H4, Nguyễn Lê Th và Lâm Thị Kiều M, phía bị cáo còn cung cấp giấy biên nhận tiền của các bị hại nhưng không được cấp phúc thẩm chấp nhận, gồm: Phan Văn L1, Trương Thị N1, Huỳnh Thị M1, Trình Bích V, Nguyễn Kiều O, Lâm Thị A1, Phan Xuân H1, Nguyễn Thị Ph, Huỳnh Hồng X, Trần Huyền D, Nguyễn Tuyết A, Lê Văn B, Lâm Thị H2, Nguyễn Thị R. Do những bị hại này trong quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm đã thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc đã đối trừ nợ với bị cáo xong, nên cấp sơ thẩm không xem xét phân trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với những người này. Ngoài ra, phía bị hại còn cung cấp biên nhận tiền của những hội viên không phải là bị hại trong vụ án gồm Quách Kim L và Nguyễn Kim L nên cũng không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5] Với các tình tiết nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau và của luật sư tại phiên tòa được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Do phía bị cáo có trả cho một số bị hại được số tiền sau khi xét xử sơ thẩm, nên về phân trách nhiệm dân sự đối với những người này cần được điều chỉnh lại cho phù hợp. Cụ thể, cấp sơ thẩm buộc bị cáo và ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Th5 (chồng của bị cáo) trong việc cùng bị cáo thanh toán nợ cho: Bà M 39.640.000 đồng, khấu trừ 30.700.000 đồng phía bị cáo đã trả sau khi xét xử sơ thẩm, số tiền còn phải tiếp tục trả cho bà M là 8.940.000 đồng; Ông H4 30.760.000 đồng, khấu trừ 30.700.000 đồng phía bị cáo đã trả sau khi xét xử sơ thẩm, số tiền còn lại phải tiếp tục trả cho ông H4 là 60.000 đồng; Bà Th 69.320.000 đồng, khấu trừ 55 triệu đồng phía bị cáo đã trả sau khi xét xử sơ thẩm, số tiền còn lại phải tiếp tục trả cho bà Th là 14.320.000 đồng.

Tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời quản lý số tiền 22.000.000 đồng (gồm 07 triệu đồng nộp ở cấp sơ thẩm và 15 triệu đồng ở cấp phúc thẩm) để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí tính trên tổng số tiền 1.567.060.000 đồng phải hoàn trả cho bị hại là không đúng. Bởi lẽ, quá trình điều tra, phía bị cáo đã nộp khắc phục được 07 triệu đồng. Do đó, cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu được tính trên số tiền sau khi khấu trừ 07 triệu đồng.

[8] Do kháng cáo được chấp nhận N bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần hình phạt và phân trách nhiệm dân sự.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mỹ H 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến ngày 23 tháng 02 năm 2022.

3. Buộc bị cáo và chồng là ông Nguyễn Văn Th5 phải hoàn trả cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

3.1. Trả cho bà Nguyễn Thị Nh 180.440.000 (một trăm tám mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.2. Trả cho ông Nguyễn Văn N2 145.430.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng;

3.3. Trả cho bà Nguyễn Kiều D2 39.640.000 (ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.4. Trả cho bà Huỳnh Huỳnh T2 105.790.000 (một trăm lẻ năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng;

3.5. Trả cho bà Nguyễn Thị D1 39.640.000 (ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.6. Trả cho bà Đặng Hồng Th4 202.700.000 (hai trăm lẻ hai triệu bảy trăm nghìn) đồng;

3.7. Trả cho bà Lê Thị C 90.050.000 (chín mươi triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng;

3.8. Trả cho bà Trần Bé H5 96.910.000 (chín mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn) đồng;

3.9. Trả cho bà Đặng Thị Đ 66.150.000 (sáu mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng;

3.10. Trả cho bà Nguyễn Mộng Ngh 30.760.000 (ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng;

3.11. Trả cho bà Nguyễn Lệ Th 14.320.000 (mười bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng;

3.12. Trả cho bà Dương Thị Ch 30.760.000 (ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng;

3.13. Trả cho ông Nguyễn Văn N 30.760.000 (ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng;



3.14. Trả cho bà Tô Kim Ph1 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng;

3.15. Trả cho bà Nguyễn Tuyết Tr 47.800.000 (bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng;

3.16. Trả cho ông Huỳnh Quốc S 23.900.000 (hai mươi ba triệu chín trăm nghìn) đồng;

3.17. Trả cho bà Cao Kim Â 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng;

3.18. Trả cho ông Phan Thành T 30.760.000 (ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng;

3.19. Trả cho ông Đặng Thanh T1 79.280.000 (bảy mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng;

3.20. Trả cho bà Lâm Thị Kiều M 8.940.000 (tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.21. Trả cho ông Diệp Thái H3 56.150.000 (năm mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng;

3.22. Trả cho bà Huỳnh Hồng Đ1 54.660.000 (năm mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng;

3.23. Trả cho bà Nguyễn Thị Q 30.760.000 (ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng;

3.24. Trả cho ông Lê Quốc H4, số tiền 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng.

4. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời tiếp tục quản lý số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án (gồm 07 triệu đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời ngày 18/4/2022 và 15 triệu đồng theo Biên lai thu tiền số 0001468 ngày 22/9/2022).

5. Bị cáo phải chịu 58.801.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T2 án.

**Nơi nhận:**

- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nd huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THA dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Tòa HS, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Trọng Quế**